

KẾ HOẠCH

Điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2014

Căn cứ Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng giai đoạn 2011-2015; Thông tư số 21/2012/TT-BLĐTBXH ngày 05/9/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm;

Theo đề nghị của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số: 105/TTr-LĐTBXH ngày 20/8/2014,

Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2014 với một số nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

Xác định và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đến thời điểm cuối năm 2014, để làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo năm 2015 và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2014 trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Yêu cầu:

- Việc điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo phải được thực hiện từ thôn, buôn, tổ dân phố, phải đảm bảo chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, có sự tham gia của người dân và cộng đồng.

- Kết thúc điều tra, rà soát, từng thôn, buôn, tổ dân phố (sau đây gọi là cấp thôn), từng xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã), từng huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là cấp huyện) phải xác định được chính xác hộ nghèo, cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo, lập một danh sách duy nhất về hộ nghèo, hộ cận nghèo để theo dõi, quản lý và xác định được tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của địa phương mình.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH:

1. Tiêu chí hộ nghèo, hộ cận nghèo:

Thực hiện theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng giai đoạn 2011-2015.

2. Đối tượng, phạm vi: Tất cả các hộ gia đình trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Phương pháp: Kết hợp các phương pháp nhận dạng nhanh, điều tra định lượng, phương pháp đánh giá có sự tham gia của người dân.

4. Quy trình điều tra, rà soát: Thực hiện theo nội dung hướng dẫn tại Thông tư số: 21/2012/TT-BLĐTBXH ngày 05/9/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và theo hướng dẫn của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

5. Kinh phí điều tra, rà soát:

5.1. Kinh phí ở cấp tỉnh: 152.000.000 đồng, gồm:

- Xây dựng phương án, kế hoạch điều tra: 3.000.000 đồng
- + Đề cương tổng quát: 1.000.000 đồng
- + Đề cương chi tiết: 2.000.000 đồng
- In tài liệu hướng dẫn: 3.000 cuốn x 12.000 đồng = 36.000.000 đồng
- In kết quả điều tra, ấn phẩm điều tra: 15.000.000 đồng
- Kiểm tra giám sát công tác điều tra: 50.000.000 đồng
- Xử lý kết quả điều tra: 20.000.000 đồng
- Viết báo cáo kết quả điều tra ở tỉnh: 8.000.000 đồng
- Kinh phí khác liên quan trực tiếp đến công tác điều tra: 20.000.000 đồng

5.2. Kinh phí ở cấp huyện, gồm:

a) Tập huấn cho cán bộ giám sát cấp huyện, cán bộ cấp xã và cán bộ thôn, buôn, tổ dân phố trực tiếp tham gia điều tra, rà soát: Mức chi thực hiện theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Kiểm tra, giám sát và thông tin tuyên truyền về công tác điều tra, rà soát ở cấp huyện, cấp xã: Thực hiện theo chế độ tài chính hiện hành.

c) Tiền công điều tra, rà soát và tổng hợp: Khoán gọn theo mức cụ thể như sau:

- Tiền công cho điều tra viên:
 - + Các phiếu đánh giá nhanh (A1, A2, A3): 3.000 đồng/hộ.
 - + Phiếu khảo sát thu nhập hộ gia đình (phiếu B): 15.000 đồng/phiếu
 - + Phiếu thu thập đặc điểm hộ nghèo, cận nghèo (Phiếu C): 3.000 đồng/phiếu
- Tổng hợp và lập danh sách ở cấp thôn:
 - + Tổng hợp kết quả (biểu 01A): 150.000 đồng/biểu
 - + Tổng hợp nguyên nhân nghèo (biểu 01B): 50.000 đồng/biểu.
 - + Lập danh sách hộ nghèo, cận nghèo chính thức: 500 đồng/hộ
 - + Lập danh sách hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo và danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo mới chính thức: 500 đồng/hộ

- Kinh phí nghiệm thu, tổng hợp và lập danh sách cấp xã:
- + Nghiệm thu phiếu (A1, A2, A3 và biểu 01A, 01B): 2.000 đồng/biểu, phiếu.
- + Nghiệm thu phiếu B, phiếu C: 500 đồng/phiếu.
- + Tổng hợp các phiếu (2A, 2B, 2C, 2D, 2SB): 100.000 đồng/biểu.
- + Tổng hợp nguyên nhân nghèo (biểu 2E): 50.000 đồng/biểu.
- + Lập danh sách hộ nghèo, cận nghèo chính thức: 500 đồng/hộ.
- + Lập danh sách hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo và danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo mới chính thức: 500 đồng/hộ
- + Nhập dữ liệu biểu 01A: 5.000 đồng/biểu.
- Kinh phí thẩm định, kiểm tra, tổng hợp cấp huyện:
- + Thẩm định, kiểm tra (A1, A2, A3; 01A, 01B): 2.000 đồng/biểu.
- + Thẩm định, kiểm tra phiếu B, phiếu C: 500 đồng/phiếu.
- + Tổng hợp (3A, 3B, 3C, 3D, 3SB): 100.000 đồng/biểu.
- + Tổng hợp nguyên nhân nghèo (biểu 3E): 50.000 đồng/biểu.
- + Cập nhật, nhập tin dữ liệu hộ nghèo, cận nghèo: 5.000 đồng/hộ.

5.3. Nguồn kinh phí:

- Kinh phí ở cấp tỉnh (mục 5.1, phần II kế hoạch này): Chi từ nguồn kinh phí đã được bố trí trong dự toán ngân sách năm 2014 và kinh phí chuyển nguồn một số nhiệm vụ chi năm 2013 sang năm 2014 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Kinh phí ở cấp huyện (mục 5.2, phần II kế hoạch này): Chi từ nguồn kinh phí đảm bảo xã hội và kinh phí dự phòng đã được phân bổ trong dự toán ngân sách Nhà nước năm 2014 cho các huyện, thị xã, thành phố. Các khoản kinh phí phát sinh có liên quan ngoài kế hoạch này, Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xem xét, bố trí thực hiện theo đúng quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Thời gian thực hiện:

- Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố báo cáo kết quả sơ bộ gửi về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày 15 tháng 10 năm 2014 và gửi báo cáo chính thức trước ngày 25 tháng 10 năm 2014.

- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày 15 tháng 11 năm 2014.

2. Phân công trách nhiệm:

a) Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ nội dung kế hoạch này để chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các huyện, thị xã, thành phố trong việc tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn; thực hiện kiểm tra, phúc tra kết quả điều tra, rà soát.

- Hướng dẫn quy trình điều tra, rà soát, thiết lập biểu mẫu, phiếu điều tra, rà soát thống nhất trên địa bàn tỉnh; tổ chức tập huấn nghiệp vụ điều tra, rà soát cho cán bộ cấp huyện, cấp xã; tổng hợp kết quả điều tra, rà soát, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh có ý kiến trước khi quyết định phê duyệt chính thức kết quả và báo cáo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội theo quy định; cập nhật kết quả vào phần mềm quản lý hộ nghèo.

b) Các thành viên Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu giảm nghèo tỉnh:

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại cấp huyện, cấp xã theo địa bàn phân công (có phụ lục kèm theo kế hoạch này), để các địa phương thực hiện điều tra, rà soát đảm bảo tiến độ và chất lượng theo yêu cầu đề ra.

- Kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh theo đúng trách nhiệm, quyền hạn; thường xuyên báo cáo tình hình về kết quả điều tra, rà soát và những vấn đề phát sinh, những khó khăn, vướng mắc cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để tổng hợp, xem xét, đề xuất Ủy ban Nhân dân tỉnh chỉ đạo.

c) Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

- Xây dựng Kế hoạch và bố trí kinh phí để tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- In phiếu, biểu mẫu điều tra, rà soát theo hướng dẫn của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để cấp phát kịp thời cho cấp xã và cấp thôn thực hiện điều tra, rà soát.

- Tổ chức tập huấn qui trình điều tra, rà soát cho cán bộ giám sát cấp huyện, cấp xã, lực lượng trực tiếp tham gia điều tra, rà soát cấp xã và cấp thôn (tổ chức tập trung theo đơn vị hành chính hoặc theo cụm xã, tùy theo số lượng cán bộ tham gia tập huấn).

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cấp xã thực hiện theo đúng chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và quy định của Nhà nước về việc điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Tổ chức thẩm định, kiểm tra kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp xã gửi lên; trường hợp thấy kết quả điều tra, rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương thì tổ chức phúc tra lại trước khi phê duyệt.

- Báo cáo, xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện có ý kiến trước khi quyết định phê duyệt chính thức kết quả điều tra, rà soát, danh sách hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo và danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo mới trên địa bàn; thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã để công nhận; báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội).

- Cập nhật thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý, gửi dữ liệu về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trước 31/12/2014 làm cơ sở quản lý, theo dõi và thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo năm 2015 và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2014.

Căn cứ kế hoạch, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, các Sở, ban, ngành của tỉnh có liên quan và Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương triển khai thực hiện; kịp thời báo cáo, đề xuất những vấn đề vướng mắc, phát sinh cho Ủy ban Nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận: rnb

- TT Tỉnh ủy (B/cáo);
- TT HĐND tỉnh (B/cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- TV BCĐ CTMTGN tỉnh;
- Sở: LĐ-TBXH, TC;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + CVP, các PCVP;
 - + TH, TCTM;
- Lưu: VT, VHXH.H.66

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Hoan Niê Kdăm

Phụ lục:

BẢNG PHÂN CÔNG

Địa bàn kiểm tra, giám sát về điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2014

(Kèm theo Kế hoạch số: 6173 /KH-UBND ngày 27/8/2014 của UBND tỉnh)

STT	Họ và tên	Đơn vị	Địa bàn theo dõi, kiểm tra
1	Nguyễn Quang Trường	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Huyện Cư Kuin
2	Nguyễn Văn Đán		
3	Hồ Xuân Phước	Sở Tài chính	Huyện Krông Ana
4	Lãnh đạo Sở TNMT	Sở Tài nguyên - Môi trường (đề nghị đơn vị cử người khác thay cho đ/c Thịnh)	
5	Nguyễn Xuân Loan	Hội nông dân tỉnh	Huyện M'Đrăk
6	Phùng Văn Định	Sở Kế hoạch – Đầu Tư	
7	Nguyễn Thị Kim Thoa	Hội Liên hiệp Phụ nữ	Huyện Krông Bông
8	Vương Hữu Nhi	Sở Khoa học & Công nghệ	
9	Thái Hồng Hà	Sở Văn hóa – Thể thao & du lịch	Tx. Buôn Hồ
10	H'Yáo Knul	Sở Nội vụ	Huyện Ea H'leo
11	Nguyễn Văn Nghiêm	Sở Công thương	
12	Y Ring Adrong	Ban dân tộc tỉnh	Huyện Ea Kar
13	Đỗ Thị Mên	Ngân hàng CSXH tỉnh	Huyện Krông Búk
14	Vũ Minh Thành	Sở xây dựng	
15	Lê Ngọc Tâm	Ủy ban MTTQVN tỉnh	Huyện Buôn Đôn
16	Trịnh Văn Tâm	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Huyện Krông Năng
17	Lãnh đạo Sở Y tế	Sở Y tế (đề nghị đơn vị cử người khác thay cho đ/c Nay Nguyên)	
18	Nguyễn Ngọc Quang	Sở Giáo dục & Đào tạo	Huyện Krông Pắc
19	Lãnh đạo Công an tỉnh	Công an tỉnh (đề nghị đơn vị cử người khác thay cho đ/c Hón)	
20	Nay Torung	Hội cựu chiến binh tỉnh	Huyện Ea Súp
21	Y Puất Tor	Sở Giao thông – vận tải	
22	Vũ Văn Đông	Sở Nông nghiệp &PTNT	Huyện Lắk
23	Y Nhuân Byă	Tỉnh đoàn	Tp. Buôn Ma Thuột
24	Y Pôl Tor	Sở Tư pháp	Huyện Cư M'gar